

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC THỜI ĐẠI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC THỜI ĐẠI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIMES SCIENCE AND EDUCATION PUBLISHING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TIMES BOOKS

2. Mã số doanh nghiệp: 0110236047

3. Ngày thành lập: 19/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 18, ngách 37/8 đường Lê Thanh Nghị, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984680760

Fax:

Email: timespubcom@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
2.	Bán buôn thực phẩm (trừ loại Nhà nước cấm)	4632
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn băng video, audio, CDs, DVDs đã ghi âm, hình ảnh; - Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm, quà tặng, hàng tiêu dùng, đồ gia dụng; - Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành giáo dục; - Đại lý kinh doanh phát hành sách, báo, truyện, sách giáo khoa, biểu mẫu kế toán và các ấn phẩm khác được phép lưu hành;	4649
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành giáo dục	4659
7.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, trang trí sân khấu, hội chợ, hội nghị, hội thảo, triển lãm.	8230
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

9.	Giáo dục nhà trẻ (Điều 3, 10 Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8511
10.	Giáo dục mẫu giáo (Điều 3, 10 Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8512
11.	Giáo dục tiểu học (Điều 15, 17, 22 Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8521
12.	Giáo dục trung học cơ sở (Điều 25, 27 Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8522
13.	Giáo dục trung học phổ thông (Điều 25, 27 Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8523
14.	Đào tạo sơ cấp (Điều 3, 14 Nghị định 143/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp)	8531
15.	Đào tạo trung cấp (Điều 78, 80 Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8532
16.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (Điều 3 Nghị định 143/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 140/2018/NĐ-CP)	8552
17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; (Điều 48 Nghị định 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 21 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP) - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; (Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa Ban hành kèm theo Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT)	8559
18.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: -Tư vấn giáo dục; - Tư vấn du học; (Điều 107 Nghị định 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục) - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560

19.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
20.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
21.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
22.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
23.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)	7020
24.	Quảng cáo (Trừ các hoạt động quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng Cáo năm 2012)	7310
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
26.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền).	7490
27.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm)	4690
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia (Điều 14 Nghị định 105/2017/NĐ-CP về kinh doanh rượu)	4723
31.	In ấn	1811
32.	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: Dịch vụ biên tập, trình bày, minh họa, dàn trang sách, báo, tạp chí;	1812
33.	Sao chép bản ghi các loại	1820
34.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
35.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
36.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
37.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

38.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ; hàng bia, quán bia; quán café, nước hoa quả, giải khát; dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè;	5630
39.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
40.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
41.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	8219
42.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
43.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4761(Chính)
44.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
45.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THÙY DƯƠNG	Chung cư Helios 75 Tam Trinh, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	15,000	0011780334 76	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	15,000		
2	BÙI THỊ HƯƠNG	Phòng 604, 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	0021660000 07	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		

3	VŨ HOÀNG LINH	25 ngõ 629 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	001076014349
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000	
4	PHẠM SỸ THÀNH	108 Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	011989167
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000	
5	VŨ TRỌNG ĐẠI	Phòng 1002 tòa nhà S2, Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	001079010790
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000	

6	ĐÀM QUANG MINH	Phòng 3202, tòa nhà S2 Goldmark City, số 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	001079000407
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ TRỌNG ĐẠI**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *31/12/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001079010790*

Ngày cấp: *22/11/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 1, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 1002 tòa nhà S2, Goldmark City, 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội